

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ  
MIỀN TRUNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

Đ  
C  
H  
Đ  
T

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Xuân Mồ	Chủ tịch
Ông Bùi Công Toanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Ủy viên
Ông Ngô Giang Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Phước	Ủy viên
Bà Phan Thị Hồng Dương	Trợ lý

##### Ban Giám đốc

Ông Bùi Công Toanh	Giám đốc
Ông Vương Minh Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Phước	Phó Giám đốc
Ông Vương Duy Tú	Phó Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Vũ Văn Duẩn	Phó Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 23 tháng 8 năm 2012

Số: 281 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung

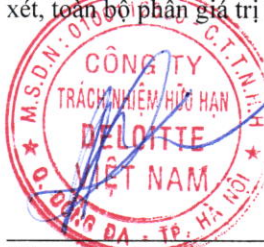
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 23. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý vấn đề sau:

Công ty hiện đang thực hiện dự án "Thi công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát" tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng. Dự án này được thực hiện theo Hợp đồng số 240/HDDXD/PVC-PVCMT/VA với số tiền là 153.976.274.815 VND ký kết với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, khối lượng thi công thực tế có giá trị là 275.302.949.540 VND (đã bao gồm thuế GTGT), số tiền đã được thanh toán và tạm ứng để thực hiện hợp đồng và phần việc phát sinh ngoài hợp đồng là 263.117.678.409 VND. Nguyên nhân là Công ty thực hiện một số công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết theo yêu cầu của PVC. Đối với các công việc ngoài hợp đồng, trước khi thực hiện Công ty và PVC đã có các thống nhất bằng các biên bản hợp về công việc phát sinh và đơn giá tạm tính. Tuy nhiên tính đến thời điểm soát xét, toàn bộ phần giá trị tăng thêm này chưa được ký phụ lục hợp đồng bổ sung với PVC.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 23 tháng 8 năm 2012  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Quang Trung**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>590.472.934.473</b>	<b>600.689.861.124</b>
<b>I- Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.315.771.460</b>	<b>9.112.298.857</b>
1. Tiền	111		1.315.771.460	9.112.298.857
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12.570.835</b>	<b>349.500.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.570.835	349.500.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>381.645.057.761</b>	<b>410.608.559.427</b>
1. Phải thu khách hàng	131		100.978.796.593	139.573.379.863
2. Trả trước cho người bán	132		32.230.654.958	31.905.673.497
3. Phải thu nội bộ	133		73.948.111.859	71.352.031.859
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		160.856.769.776	158.058.117.845
5. Các khoản phải thu khác	135		14.799.913.175	10.888.544.963
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.169.188.600)	(1.169.188.600)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>167.272.852.947</b>	<b>144.786.186.623</b>
1. Hàng tồn kho	141		167.272.852.947	144.786.186.623
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>40.226.681.470</b>	<b>35.833.316.217</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		336.625.380	1.289.766.833
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.622.319.329	11.655.796.710
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.746.260.492	4.746.260.492
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		22.521.476.269	18.141.492.182
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>146.316.760.455</b>	<b>161.084.986.842</b>
<b>I- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49.324.786.333</b>	<b>57.088.044.508</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>6</b>	46.667.216.039	54.217.704.454
- Nguyên giá	222		89.691.019.747	92.519.879.747
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.023.803.708)	(38.302.175.293)
2. Tài sản cố định vô hình	227		59.804.374	70.051.250
- Nguyên giá	228		94.013.021	94.013.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.208.647)	(23.961.771)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>7</b>	2.597.765.920	2.800.288.804
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>80.928.248.953</b>	<b>84.100.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>8</b>	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>9</b>	22.800.000.000	22.800.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>10</b>	11.300.000.000	11.300.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	<b>8</b>	(3.171.751.047)	-
<b>III- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.063.725.169</b>	<b>19.896.942.334</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		16.063.725.169	19.896.942.334
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>736.789.694.928</b>	<b>761.774.847.966</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>612.261.795.713</b>	<b>607.337.917.481</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>541.637.678.596</b>	<b>534.139.343.409</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	148.088.381.466	140.628.700.022
2. Phải trả người bán	312		156.416.252.500	191.273.685.267
3. Người mua trả tiền trước	313		175.473.946.688	154.805.935.124
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	900.053.252	571.933.500
5. Phải trả người lao động	315		33.985.000	5.917.015.509
6. Chi phí phải trả	316		47.390.682.428	30.486.390.045
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		13.346.009.007	11.293.868.573
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(11.631.745)	(838.184.631)
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>70.624.117.117</b>	<b>73.198.574.072</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	70.671.297.326	73.238.537.431
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		(47.180.209)	(39.963.359)
<b>B- NGUỒN VỐN (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>124.527.899.215</b>	<b>154.436.930.485</b>
<b>I- Vốn cổ phần</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>124.527.899.215</b>	<b>154.436.930.485</b>
1. Vốn điều lệ	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.037.168.132	430.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.354.415.829	1.100.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(28.863.684.746)	2.906.930.485
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>736.789.694.928</b>	<b>761.774.847.966</b>



**Bùi Công Toanh**  
 Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2012

**Lê Trí Tài**  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012	Từ ngày 01/01/2011
			đến ngày 30/6/2012	đến ngày 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	80.594.826.716	241.245.381.699
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		80.594.826.716	241.245.381.699
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	78.855.337.699	198.591.456.101
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.739.489.017	42.653.925.598
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		27.298.142	1.999.714.814
6. Chi phí tài chính	22		20.430.936.959	24.915.196.384
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.732.307.742	24.915.196.384
7. Chi phí bán hàng	24		98.357.342	78.200.000
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.370.222.995	15.825.107.929
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-24-25)	30		(28.132.730.137)	3.835.136.099
10. Thu nhập khác	31		386.779.556	2.463.052.881
11. Chi phí khác	32		1.117.734.165	2.844.688.071
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(730.954.609)	(381.635.190)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(28.863.684.746)	3.453.500.909
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	-	1.034.419.660
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(28.863.684.746)	2.419.081.249
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	(1.924)	161



**Bùi Công Toanh**  
 Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2012

**Lê Trí Tài**  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(28.863.684.746)	3.453.500.909
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	5.164.555.291	5.490.244.242
- Các khoản dự phòng	03	3.171.751.047	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(1.782.532.880)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.434.737.182)	(217.181.934)
- Chi phí lãi vay	06	16.732.307.742	24.915.196.384
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(9.229.807.848)	31.859.226.721
- Biến động các khoản phải thu	09	30.510.312.142	(71.858.065.579)
- Biến động hàng tồn kho	10	(22.486.666.324)	(18.279.632.807)
- Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.390.995.413)	43.935.356.141
- Biến động chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	4.786.358.618	(1.592.803.015)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(10.126.588.592)	(23.915.196.384)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(6.822.865.884)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(226.010.486)	(717.752.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(14.163.397.903)</b>	<b>(47.391.732.807)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(75.948.571.861)
2. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	1.474.429.165	217.181.934
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>1.474.429.165</b>	<b>(75.731.389.927)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	61.567.528.379	249.603.548.267
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(56.675.087.038)	(142.603.494.849)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	-	(11.250.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>4.892.441.341</b>	<b>95.750.053.418</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>(7.796.527.397)</b>	<b>(27.373.069.316)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>9.112.298.857</b>	<b>29.502.757.550</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>1.315.771.460</b>	<b>2.129.688.234</b>



**Bùi Công Toanh**  
 Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2012

**Lê Trí Tài**  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 965/QĐ-XLTK ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4300368987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2009, sửa đổi lần thứ 6 của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 23 tháng 5 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 426 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 549 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình dân dụng, công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; xây dựng các công trình thủy lợi; san lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; xây dựng các công trình đê kè, cầu cảng;
- Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nội; chế tạo lắp đặt bồn chứa xăng, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt hệ thống đường dây tải điện đến 35 KV và các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp; đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu bia, karaoke, massage và các dịch vụ liên quan đến khách sạn.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Trong 6 tháng đầu năm 2012, Công ty bị lỗ với số tiền là 28.863.684.746 VND và gặp khó khăn về quản lý dòng tiền, cụ thể lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 14.163.397.903 VND (trong năm 2011: 77.755.273.175 VND). Ban Giám đốc Công ty đã có những kế hoạch để tăng cường việc quản lý dòng tiền trong sáu tháng cuối năm 2012 và tin tưởng rằng khả năng hoạt động liên tục của Công ty sẽ được đảm bảo.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, theo đánh giá của Công ty, tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 7
Tài sản khác	4

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của các khoản chi phí có thể mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được vốn hoá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá ba năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃ SỐ B 09-DN**

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ không có khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có chênh lệch tạm thời trọng yếu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/6/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.075.055.775	292.846.557
Tiền gửi ngân hàng	240.715.685	8.819.452.300
	<u>1.315.771.460</u>	<u>9.112.298.857</u>

**5. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.351.345.954	7.269.473.473
Công cụ, dụng cụ	813.808.806	811.048.806
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	156.235.209.451	124.663.537.301
Thành phẩm	3.872.488.736	3.854.462.252
Hàng hóa	-	8.187.664.791
	<u>167.272.852.947</u>	<u>144.786.186.623</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<u>167.272.852.947</u>	<u>144.786.186.623</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012  
 đến ngày 30/6/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN****6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2012	19.257.925.052	47.756.052.028	20.743.146.092	1.297.553.440	3.465.203.135	92.519.879.747
Mua sắm mới	-	180.900.000		19.000.000	-	199.900.000
Điều chuyển nội bộ	-	-	(3.028.760.000)	-	-	(3.028.760.000)
Tại ngày 30/6/2012	19.257.925.052	47.936.952.028	17.714.386.092	1.316.553.440	3.465.203.135	89.691.019.747
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2012	4.685.837.574	19.975.359.651	10.312.812.069	827.085.288	2.501.080.711	38.302.175.293
Khấu hao trong kỳ	449.278.882	2.870.839.744	1.436.193.433	157.247.982	240.748.374	5.154.308.415
Giảm khác	-	-	(432.680.000)	-	-	(432.680.000)
Tại ngày 30/6/2012	5.135.116.456	22.846.199.395	11.316.325.502	984.333.270	2.741.829.085	43.023.803.708
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/6/2012	14.122.808.596	25.090.752.633	6.398.060.590	332.220.170	723.374.050	46.667.216.039
Tại ngày 31/12/2011	14.572.087.478	27.780.692.377	10.430.334.023	470.468.152	964.122.424	54.217.704.454

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 10.167.163.603 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 9.738.943.994 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trạm trộn	229.949.191	229.949.191
Nhà máy sản xuất bao bì	2.367.816.729	2.570.339.613
	<u>2.597.765.920</u>	<u>2.800.288.804</u>

**8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Dung Quất với giá trị đầu tư là 50 tỷ VND.

Tại ngày 30/6/2012, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính phản ánh số lỗ tại công ty con với số tiền 3.171.751.047 VND.

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cầm với giá gốc khoản đầu tư là 22,8 tỷ VND. Thông tin chi tiết như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty CP Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cầm	Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	45,6	45,6	Đầu tư, khai thác và kinh doanh khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.

**10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Công ty đã góp vốn bằng tiền là 11,3 tỷ VND ngày 19 tháng 8 năm 2010, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 3,77% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	132.776.453.162	128.907.661.490
<i>Khoản vay số 1</i>	<i>83.688.122.847</i>	<i>70.073.588.447</i>
<i>Khoản vay số 2</i>	<i>21.603.313.366</i>	<i>28.003.438.398</i>
<i>Khoản vay số 3</i>	<i>13.244.216.949</i>	<i>30.830.634.645</i>
<i>Khoản vay số 4</i>	<i>14.240.800.000</i>	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	15.311.928.304	11.721.038.532
	<u>148.088.381.466</u>	<u>140.628.700.022</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Khoản vay 1: Đây là khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTĐ/PVFCĐN - PVCMT ngày 13 tháng 4 năm 2011, Hợp đồng bảo lãnh hạn mức số 21/2011/HĐBL.NH-PVCMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 và Phụ lục Hợp đồng bảo lãnh số 02. Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ủy quyền cho Giám đốc Công ty trực tiếp giao dịch, rút vốn, sử dụng hạn mức vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh với hạn mức tín dụng là 150 tỷ VND và với hạn mức bảo lãnh là 70 tỷ VND. Mục đích khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh với thời hạn cho vay là 6 tháng theo từng kế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay là lãi suất ngắn hạn do Bên cho vay công bố tại thời điểm Bên vay rút vốn và được ghi cụ thể trên từng kế ước. Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất cho vay.

Khoản vay 2: Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo Hợp đồng số 603 ngày 28 tháng 6 năm 2010. Theo đó, hạn mức vay là 30 tỷ VND, hạn mức bảo lãnh là 40 tỷ VND. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn cho vay tối đa là 9 tháng/kế ước. Lãi suất quy định theo từng lần rút vốn. Khoản vay được thế chấp bằng các quyền đòi nợ trên phần khối lượng xây lắp hoàn thành và một số nguồn thu hợp pháp khác.

Khoản vay 3: Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội theo Hợp đồng vay số 1009DN163. Theo đó, hạn mức vay là 50 tỷ VND, khoản vay được thế chấp bằng tài sản bảo đảm là giá trị khoản phải thu còn lại từ hợp đồng xây dựng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội tài trợ vốn được quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp liên quan đến Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1009 và từ các nguồn thu hợp pháp khác. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn cho vay tối đa là 6 tháng/kế ước. Lãi suất quy định theo từng lần rút vốn.

Khoản vay 4: Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đà Nẵng (HD Bank) theo Hợp đồng tín dụng số P.0012/12/HĐTĐHM/DN. Theo đó, hạn mức vay là 50 tỷ VND, khoản vay được bảo đảm bằng quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng kinh tế đầu ra của Công ty. Đối với từng trường hợp phát sinh thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng kinh tế đầu ra của Công ty phải được chấp nhận bởi HD bank và toàn bộ tài sản, nguồn thu hợp pháp khác để đảm bảo cho toàn bộ các nghĩa vụ vay tại HD bank. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh trong, phát hành bảo lãnh trong nước. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2012 đến ngày 14 tháng 3 năm 2013. Thời hạn của từng hình thức cấp tín dụng được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ, hợp đồng cấp bảo lãnh hoặc hợp đồng cấp tín dụng khác tương ứng. Thời hạn của từng cam kết bảo lãnh, thời hạn vay của từng kế ước, thời hạn vay của từng cam kết cấp tín dụng khác có thể kết thúc sau thời hạn có hiệu lực của hạn mức tín dụng. Lãi suất quy định tại từng lần giải ngân và được quy định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	349.892.453	125.009.169
Thuế thu nhập cá nhân	458.552.799	391.814.331
Thuế tài nguyên	74.952.000	45.090.000
Các khoản phí, lệ phí và thuế khác	16.656.000	10.020.000
	<u>900.053.252</u>	<u>571.933.500</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012  
đến ngày 30/6/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN****13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	82.739.745.855	81.716.096.188
<i>Khoản vay số 1</i>	<i>331.398.530</i>	<i>414.248.163</i>
<i>Khoản vay số 2</i>	<i>4.168.870.917</i>	<i>4.516.280.917</i>
<i>Khoản vay số 3</i>	<i>78.239.476.408</i>	<i>76.785.567.108</i>
Nợ dài hạn khác	3.243.479.775	3.243.479.775
	<b><u>85.983.225.630</u></b>	<b><u>84.959.575.963</u></b>

Khoản vay số 1: Đây là khoản vay không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 5, ký với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng ngày 23 tháng 12 năm 2008 với hạn mức tín dụng là 15 tỷ VND. Sau khi chuyển đổi từ Công ty TNHH, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung tiếp tục thực hiện hợp đồng này. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ tháng 10 năm 2009 tới tháng 01 năm 2013. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động vốn cá nhân 12 tháng bằng VND của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (loại trả lãi cuối kỳ) cộng 6%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay dài hạn nhằm mục đích đầu tư vào "Dự án xưởng cơ khí và vật liệu xây dựng Dung Quất - Quảng Ngãi".

Khoản vay số 2: Đây là khoản vay không có tài sản đảm bảo từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 12/TDH/2009 ngày 29 tháng 12 năm 2009. Theo đó, hạn mức vay là 12,4 tỷ VND, mục đích để thực hiện đầu tư máy móc thiết bị, thời hạn vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, lãi suất theo từng lần rút vốn.

Khoản vay số 3: Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương (Ocean Bank) theo Hợp đồng số 110/2010/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 29 tháng 9 năm 2010. Theo đó, hạn mức vay là 83 tỷ VND với thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao bì tại Dung Quất, Quảng Ngãi. Lãi suất cho vay áp dụng mức 16,2%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ocean Bank công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 5%.

Khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.311.928.304	11.721.038.532
Trong năm thứ hai	11.389.640.000	12.552.765.067
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	46.042.180.917	46.737.000.915
Sau năm năm	13.239.476.409	13.948.771.449
	<b><u>85.983.225.630</u></b>	<b><u>84.959.575.963</u></b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	15.311.928.304	11.721.038.532
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>70.671.297.326</u></b>	<b><u>73.238.537.431</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012  
đến ngày 30/6/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MÃU SỐ B 09-DN****14. VỐN CỔ PHẦN****Thay đổi trong vốn cổ phần**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	150.000.000.000	-	-	13.683.659.809	163.683.659.809
Tăng trong năm	-	430.000.000	1.100.000.000	-	1.530.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	20.906.930.485	20.906.930.485
Công bố chia cổ tức	-	-	-	(29.250.000.000)	(29.250.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(2.433.659.809)	(2.433.659.809)
Tại ngày 31/12/2011	150.000.000.000	430.000.000	1.100.000.000	2.906.930.485	154.436.930.485
Tăng trong kỳ (i)	-	607.168.132	1.254.415.829	-	1.861.583.961
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(28.863.684.746)	(28.863.684.746)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	(2.906.930.485)	(2.906.930.485)
Tại ngày 30/6/2012	150.000.000.000	1.037.168.132	2.354.415.829	(28.863.684.746)	124.527.899.215

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 ngày 05 tháng 5 năm 2012, Công ty đã sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành với số tiền lần lượt là 607.168.132 VND, 1.254.415.829 VND, 940.811.870 VND và 104.534.652 VND.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (1000 CP)	Tỷ lệ %	Giá trị cổ phần (VND)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.650	51,00%	76.500.000.000
2	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	750	5,00%	7.500.000.000
3	Các cổ đông khác	6.600	44,00%	66.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>15.000</b>	<b>100%</b>	<b>150.000.000.000</b>

Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 15.000.000 cổ phiếu. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	61.702.728.978	229.892.949.115
Doanh thu hoạt động khác	18.892.097.738	11.352.432.584
	<b>80.594.826.716</b>	<b>241.245.381.699</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	59.078.047.543	189.228.841.422
Giá vốn hoạt động khác	19.777.290.156	9.362.614.679
	<b>78.855.337.699</b>	<b>198.591.456.101</b>

**17. THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(28.863.684.746)	3.453.500.909
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	684.177.731
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(28.863.684.746)</b>	<b>4.137.678.640</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuê thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>1.034.419.660</b>

**18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(28.863.684.746)	2.419.081.249
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(1.924)	161

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.662.414.189	98.744.037.825
Chi phí nhân công	11.229.268.970	13.136.803.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.721.628.415	6.785.901.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.343.942.203	20.859.430.468
<b>Tổng cộng</b>	<b>66.957.253.777</b>	<b>139.526.172.917</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012  
đến ngày 30/6/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN****20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và 13, trừ đi tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và tương đương tiền	1.315.771.460	9.112.298.857
Phải thu khách hàng và phải thu khác	114.609.521.168	149.292.736.226
Đầu tư ngắn hạn	12.570.835	349.500.000
Đầu tư dài hạn	8.128.248.953	11.300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>124.066.112.416</b>	<b>170.054.535.083</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	218.759.678.792	213.867.237.453
Phải trả người bán và phải trả khác	169.762.261.507	202.567.553.840
Chi phí phải trả	47.390.682.428	30.486.390.045
<b>Tổng cộng</b>	<b>435.912.622.727</b>	<b>446.921.181.338</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012  
đến ngày 30/6/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>30/6/2012</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>Trên 1 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Các khoản vay	148.088.381.466	70.671.297.326	218.759.678.792
Phải trả người bán và phải trả khác	169.762.261.507	-	169.762.261.507
Chi phí phải trả	47.390.682.428	-	47.390.682.428
<b>Tổng cộng</b>	<b>365.241.325.401</b>	<b>70.671.297.326</b>	<b>435.912.622.727</b>
<b>31/12/2011</b>			
Các khoản vay	140.628.700.022	73.238.537.431	213.867.237.453
Phải trả người bán và phải trả khác	202.567.553.840	-	202.567.553.840
Chi phí phải trả	30.486.390.045	-	30.486.390.045
<b>Tổng cộng</b>	<b>373.682.643.907</b>	<b>73.238.537.431</b>	<b>446.921.181.338</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>30/6/2012</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>Trên 1 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và tương đương tiền	1.315.771.460	-	1.315.771.460
Phải thu khách hàng và phải thu khác	114.609.521.168	-	114.609.521.168
Đầu tư ngắn hạn	12.570.835	-	12.570.835
Đầu tư dài hạn	-	8.128.248.953	8.128.248.953
<b>Tổng cộng</b>	<b>115.937.863.463</b>	<b>8.128.248.953</b>	<b>124.066.112.416</b>
<b>31/12/2011</b>			
Tiền và tương đương tiền	9.112.298.857	-	9.112.298.857
Phải thu khách hàng và phải thu khác	149.292.736.226	-	149.292.736.226
Đầu tư ngắn hạn	349.500.000	-	349.500.000
Đầu tư dài hạn	-	11.300.000.000	11.300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>158.754.535.083</b>	<b>11.300.000.000</b>	<b>170.054.535.083</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012  
đến ngày 30/6/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN****21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.468.864.298	9.688.262.413
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	-	10.721.965.750
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi (PTSC)	1.867.731.000	27.807.052.422
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO)	-	18.014.601.677
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	114.518.183
Ban điều hành dự án Nhà máy điện Vũng Áng - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	60.819.517.155
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	7.782.124.858
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	389.454.545
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	-	156.090.910
Ban QLDA Nhà máy lọc dầu Dung Quất	8.697.612.336	38.494.066.462
Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	10.053.365.498	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	-	17.523.618.863
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	-	365.791.363
<b>Mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	344.248.217	2.481.081.548
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Quảng Ngãi	-	154.175.174
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Đà Nẵng	-	249.137.600
<b>Lãi vay</b>		
Lãi tiền vay phải trả Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí - CN Đà Nẵng	2.045.174.498	6.199.422.563
<b>Nhận cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cầm	1.137.500.000	-
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ Lương</b>	661.323.454	622.885.675



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan:


	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Phải thu</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.872.693.445	9.952.982.469
Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An	-	121.699.480
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	7.608.398.084	17.956.895.040
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	3.062.444.954	3.662.444.954
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi - PTSC	26.680.237.342	32.614.146.066
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	4.011.869.700	9.638.227.700
Tổng công ty Dung dịch Khoan và Hoá phẩm Dầu khí	4.250.694.634	4.250.694.634
<b>Phải trả</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.434.804.130	4.090.555.913
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xử lý Chất thải công nghiệp Dầu khí Việt Nam	6.377.239.561	-
CN Thi công Cơ giới Dầu khí - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.153.347.000	2.953.347.000
<b>Các khoản nhận ứng trước</b>		
Ban điều hành dự án Nhà máy điện Vũng Áng - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	156.099.145.835	137.704.992.433
Ban QLDA Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	4.400.350.959
<b>Nợ dài hạn</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.243.479.775	3.243.479.775
<b>Các khoản vay</b>		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - CN Đà Nẵng		
- Vay ngắn hạn:	83.688.122.847	70.073.588.447
- Vay trung hạn:	4.500.269.447	4.930.529.080

**22. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét.



Ngày 23 tháng 8 năm 2012

  
 Lê Trí Tài  
 Kế toán trưởng